

ĐẶC TẢ CẤU TRÚC THÔNG TIN MẪU PHIẾU PHẪU THUẬT LÁC

Bảng mô tả định dạng

| STT NHÓM | NHÓM THÔNG TIN | STT TIÊU CHÍ | TIÊU CHÍ THÔNG TIN | MÔ TẢ                           | Kiểu dữ liệu | ĐỘ DÀI DỮ LIỆU   | NGUỒN THAM CHIẾU                             |
|----------|----------------|--------------|--------------------|---------------------------------|--------------|------------------|----------------------------------------------|
| I        | Hành chính     | 1.1          | MaQuanLy           | Mã quản lý                      | Số nguyên    | 25               |                                              |
| I        | Hành chính     | 1.2          | HoVaTenBenhNhan    | Họ tên bệnh nhân                | Chuỗi        | 250              |                                              |
| I        | Hành chính     | 1.3          | NgaySinh           | Ngày sinh                       | Ngày         | YYYY/MM/DD       |                                              |
| I        | Hành chính     | 1.4          | GioiTinh           | Giới tính (1-Nam, 2-Nữ, 3-Khác) | Số nguyên    |                  | 1 Theo BHYT: 1: Nam; 2: Nữ; 3: Chưa xác định |
| I        | Hành chính     | 1.5          | DiaChi             | Địa chỉ                         | Chuỗi        | 500              |                                              |
| I        | Hành chính     | 1.6          | NgayVaoVien        | Ngày vào viện                   | Ngày giờ     | YYYY/MM/DD HH:mm |                                              |
| I        | Hành chính     | 1.7          | ID                 | Mã định danh phiếu/giấy         | Số nguyên    | 25               |                                              |
| I        | Hành chính     | 1.8          | IDMauPhieu         | ID mẫu phiếu                    | Số nguyên    | 5                |                                              |
| I        | Hành chính     | 1.9          | MaBenhNhan         | Mã bệnh nhân                    | Chuỗi        | 25               |                                              |
| I        | Hành chính     | 1.10         | MaBenhAn           | Mã bệnh án                      | Chuỗi        | 25               |                                              |
| I        | Hành chính     | 1.11         | SoYTe              | Tên Sở Y tế                     | Chuỗi        | 250              |                                              |
| I        | Hành chính     | 1.12         | BenhVien           | Tên bệnh viện                   | Chuỗi        | 250              | Theo BHYT                                    |
| I        | Hành chính     | 1.13         | MaCSKCB            | Mã cơ sở khám chữa bệnh         | Chuỗi        | 25               |                                              |
| I        | Hành chính     | 1.14         | MaSo               | Mã số phiếu (in trên phiếu)     | Chuỗi        | 25               |                                              |

|           |            |      |                      |                            |           |                     |                                                               |
|-----------|------------|------|----------------------|----------------------------|-----------|---------------------|---------------------------------------------------------------|
| <b>I</b>  | Hành chính | 1.15 | SoVaoVien            | Số vào viện                | Chuỗi     | 50                  |                                                               |
| <b>I</b>  | Hành chính | 1.16 | Tuoi                 | Tuổi                       | Số nguyên | 4                   |                                                               |
| <b>I</b>  | Hành chính | 1.17 | ChanDoan             | Chẩn đoán trước phẫu thuật | Chuỗi     | 1000                | Quyết định 4469/QĐ-BYT, ngày 28 tháng 10 năm 2020 của Bộ Y Tế |
| <b>I</b>  | Hành chính | 1.18 | NgayPhauThuat        | Ngày phẫu thuật            | Ngày giờ  | YYYY/MM/DD<br>HH:mm |                                                               |
| <b>I</b>  | Hành chính | 1.19 | NgayPhauThuat_Gio    | Giờ phẫu thuật             | Ngày giờ  | YYYY/MM/DD<br>HH:mm |                                                               |
| <b>I</b>  | Hành chính | 1.20 | Khoa                 | Khoa điều trị              | Chuỗi     | 250                 |                                                               |
| <b>I</b>  | Hành chính | 1.21 | MaKhoa               | Mã khoa                    | Chuỗi     | 25                  |                                                               |
| <b>II</b> | Nhân sự    | 2.1  | PhauThuatVienChinh   | Phẫu thuật viên chính      | Chuỗi     | 250                 |                                                               |
| <b>II</b> | Nhân sự    | 2.2  | MaPhauThuatVienChinh | Mã phẫu thuật viên chính   | Chuỗi     | 25                  |                                                               |
| <b>II</b> | Nhân sự    | 2.3  | PhauThuatVienPhu     | Phẫu thuật viên phụ        | Chuỗi     | 250                 |                                                               |
| <b>II</b> | Nhân sự    | 2.4  | MaPhauThuatVienPhu   | Mã phẫu thuật viên phụ     | Chuỗi     | 25                  |                                                               |
| <b>II</b> | Nhân sự    | 2.5  | PhauThuatVienPhu2    | Phẫu thuật viên phụ 2      | Chuỗi     | 250                 |                                                               |
| <b>II</b> | Nhân sự    | 2.6  | MaPhauThuatVienPhu2  | Mã phẫu thuật viên phụ 2   | Chuỗi     | 25                  |                                                               |
| <b>II</b> | Nhân sự    | 2.7  | BacSyGayMe           | Bác sỹ gây mê              | Chuỗi     | 250                 |                                                               |

|            |             |      |                       |                                |       |     |  |
|------------|-------------|------|-----------------------|--------------------------------|-------|-----|--|
| <b>II</b>  | Nhân sự     | 2.8  | MaBacSyGayMe          | Mã bác sỹ gây mê               | Chuỗi | 25  |  |
| <b>III</b> | Chuyên môn  | 3.1  | ChiDinhPhauThuat      | Chỉ định phẫu thuật (dạng mã)  | Chuỗi | 10  |  |
| <b>III</b> | Chuyên môn  | 3.2  | ChiDinhPhauThuat_MoTa | Chỉ định phẫu thuật (mô tả)    | Chuỗi | 500 |  |
| <b>III</b> | Chuyên môn  | 3.3  | LoaiThuocGayTe        | Loại thuốc tê                  | Chuỗi | 250 |  |
| <b>III</b> | Chuyên môn  | 3.4  | DungTichThuocTe       | Dung tích thuốc tê             | Chuỗi | 50  |  |
| <b>III</b> | Chuyên môn  | 3.5  | PPVocam               | Phương pháp vô cảm             | Chuỗi | 10  |  |
| <b>IV</b>  | Lùi cơ      | 4.1  | LuiCo                 | Thực hiện lùi cơ               | Chuỗi | 10  |  |
| <b>IV</b>  | Lùi cơ      | 4.2  | MoKetMacLC            | Mở kết mạc (lùi cơ)            | Chuỗi | 10  |  |
| <b>IV</b>  | Lùi cơ      | 4.3  | BoLocCoLC             | Bộ lọc cơ (lùi cơ)             | Chuỗi | 10  |  |
| <b>IV</b>  | Lùi cơ      | 4.4  | KhauCoLC              | Khâu cơ                        | Chuỗi | 10  |  |
| <b>IV</b>  | Lùi cơ      | 4.5  | LoaiKhauLC            | Loại khâu                      | Chuỗi | 10  |  |
| <b>IV</b>  | Lùi cơ      | 4.6  | DiChuyenLC            | Di chuyển cơ                   | Chuỗi | 10  |  |
| <b>IV</b>  | Lùi cơ      | 4.7  | FadenLC               | Faden                          | Chuỗi | 10  |  |
| <b>IV</b>  | Lùi cơ      | 4.8  | KhauKMLC              | Khâu kết mạc                   | Chuỗi | 10  |  |
| <b>IV</b>  | Lùi cơ      | 4.9  | MoKetMacVTLC          | Mô tả mở kết mạc vị trí lùi cơ | Chuỗi | 500 |  |
| <b>IV</b>  | Lùi cơ      | 4.10 | LoaiChiLC             | Loại chỉ lùi cơ                | Chuỗi | 250 |  |
| <b>IV</b>  | Lùi cơ      | 4.11 | DoDaiVetKhauLC        | Độ dài vết khâu                | Chuỗi | 50  |  |
| <b>IV</b>  | Lùi cơ      | 4.12 | FadenLCMoTa           | Mô tả Faden                    | Chuỗi | 500 |  |
| <b>V</b>   | Rút ngắn cơ | 5.1  | RutNganCo             | Rút ngắn cơ                    | Chuỗi | 10  |  |

|           |             |      |                 |                      |       |     |  |
|-----------|-------------|------|-----------------|----------------------|-------|-----|--|
| <b>V</b>  | Rút ngắn cơ | 5.2  | MoKetMacRNC     | Mở kết mạc           | Chuỗi | 10  |  |
| <b>V</b>  | Rút ngắn cơ | 5.3  | BoLocCoRNC      | Bộ lọc cơ            | Chuỗi | 10  |  |
| <b>V</b>  | Rút ngắn cơ | 5.4  | KhauKMRNC       | Khâu kết mạc         | Chuỗi | 10  |  |
| <b>V</b>  | Rút ngắn cơ | 5.5  | MoKetMacVTRNC   | Mô tả mở kết mạc     | Chuỗi | 500 |  |
| <b>V</b>  | Rút ngắn cơ | 5.6  | DoDaiVetKhauRNC | Độ dài rút cơ        | Chuỗi | 50  |  |
| <b>V</b>  | Rút ngắn cơ | 5.7  | KhauCoRNC       | Khâu cơ              | Chuỗi | 250 |  |
| <b>V</b>  | Rút ngắn cơ | 5.8  | KhauGapCoRNC    | Cắt cơ thừa, cầm máu | Chuỗi | 250 |  |
| <b>VI</b> | Cơ chéo     | 6.1  | CoCheo          | Thực hiện cơ chéo    | Chuỗi | 10  |  |
| <b>VI</b> | Cơ chéo     | 6.2  | MoKetMacCC      | Mở kết mạc cơ chéo   | Chuỗi | 10  |  |
| <b>VI</b> | Cơ chéo     | 6.3  | TTCoCC          | Thủ thuật cơ chéo    | Chuỗi | 10  |  |
| <b>VI</b> | Cơ chéo     | 6.4  | LoaiChiCC       | Loại chỉ             | Chuỗi | 10  |  |
| <b>VI</b> | Cơ chéo     | 6.5  | KhauVetCC       | Khâu kết mạc         | Chuỗi | 10  |  |
| <b>VI</b> | Cơ chéo     | 6.6  | TraMatCC        | Tra mắt kháng sinh   | Chuỗi | 10  |  |
| <b>VI</b> | Cơ chéo     | 6.7  | BangMatCC       | Băng mắt             | Chuỗi | 10  |  |
| <b>VI</b> | Cơ chéo     | 6.8  | MoKetMacVTCC    | Mô tả vị trí cơ chéo | Chuỗi | 500 |  |
| <b>VI</b> | Cơ chéo     | 6.9  | MoKetMacBLCC    | Bộ lọc cơ chéo       | Chuỗi | 500 |  |
| <b>VI</b> | Cơ chéo     | 6.10 | TTCoCC1MoTa     | Độ dài lùi cơ chéo   | Chuỗi | 50  |  |
| <b>VI</b> | Cơ chéo     | 6.11 | TTCoCC2MoTa     | Độ dài gấp cơ chéo   | Chuỗi | 50  |  |
| <b>VI</b> | Cơ chéo     | 6.12 | KhauVetCCMoTa   | Mô tả khâu kết       | Chuỗi | 500 |  |

|            |         |      |               |                 |       |     |  |
|------------|---------|------|---------------|-----------------|-------|-----|--|
|            |         |      |               | mạc             |       |     |  |
| <b>VI</b>  | Cơ chéo | 6.13 | TraMatCC_MoTa | Mô tả tra mắt   | Chuỗi | 500 |  |
| <b>VII</b> | Khác    | 7.1  | pathLocalAnh1 | Đường dẫn ảnh 1 | Chuỗi | 500 |  |
| <b>VII</b> | Khác    | 7.2  | pathLocalAnh2 | Đường dẫn ảnh 2 | Chuỗi | 500 |  |
| <b>VII</b> | Khác    | 7.3  | pathLocalAnh3 | Đường dẫn ảnh 3 | Chuỗi | 500 |  |

Chuỗi Json:

```
{
"MaQuanLy": 126987,
"HoVaTenBenhNhan": "Trần Thị B",
"NgaySinh": "2026-04-01",
"GioiTinh": 2,
"DiaChi": "Quận Bình Thạnh, TP.HCM",
"NgayVaoVien": "2026-04-01T14:30:00",
"ID": 0,
"IDMauPhieu": 273,
"MaBenhNhan": "BN0002",
"MaBenhAn": "BA2026002",
"SoYTe": "Sở Y tế TP.HCM",
"BenhVien": "Bệnh viện Mắt TP.HCM",
"MaCSKCB": "79002",
"MaSo": "MS002",
"SoVaoVien": "SVV654321",
"Tuai": 26,
"ChanDoan": "Lác mắt trong",
"NgayPhauThuat": "2026-04-01T14:30:00",
"NgayPhauThuat_Gio": "2026-04-01T14:30:00",
"Khoa": "Khoa Mắt",
"MaKhoa": "KM01",
```

"PhauThuatVienChinh": "Nguyễn Văn A",  
"MaPhauThuatVienChinh": "BS010",  
"PhauThuatVienPhu": "Lê Văn B",  
"MaPhauThuatVienPhu": "BS011",  
"PhauThuatVienPhu2": "Phạm Văn C",  
"MaPhauThuatVienPhu2": "BS012",  
"BacSyGayMe": "Trần Văn D",  
"MaBacSyGayMe": "GM001",  
"ChiDinhPhauThuat": "1",  
"ChiDinhPhauThuat\_MoTa": "Phẫu thuật chỉnh lác",  
"LoaiThuocGayTe": "Lidocain 2%",  
"DungTichThuocTe": "5ml",  
"PPVocam": "01",  
"LuiCo": "Cố",  
"MoKetMacLC": "Cố",  
"BoLocCoLC": "Cố",  
"KhauCoLC": "Cố",  
"LoaiKhauLC": "1",  
"DiChuyenLC": "1",  
"FadenLC": "1",  
"KhauKMLC": "1",  
"MoKetMacVTLC": "Mở kết mạc vùng cơ trực trong",  
"LoaiChiLC": "Vicryl 6-0",  
"DoDaiVetKhauLC": "4mm",  
"FadenLCMoTa": "s",  
"RutNganCo": "1",  
"MoKetMacRNC": "1",  
"BoLocCoRNC": "1",  
"KhauKMRNC": "1",  
"MoKetMacVTRNC": "Mở kết mạc vùng cơ trực ngoài",  
"DoDaiVetKhauRNC": "3mm",

```
"KhouCoRNC": "Khâu chắc",
"KhouGapCoRNC": "Cắt cơ thừa và cầm máu tốt",
"CoCheo": "1",
"MoKetMacCC": "1",
"TTCoCC": "1",
"LoaiChiCC": "1",
"KhouVetCC": "1",
"TraMatCC": "1",
"BangMatCC": "1",
"MoKetMacVTCC": "1",
"MoKetMacBLCC": "1",
"TTCoCC1MoTa": "s",
"TTCoCC2MoTa": "s",
"KhouVetCCMoTa": "s",
"TraMatCC_MoTa": "s",
"pathLocalAnh1": "/images/pt1.png",
"pathLocalAnh2": "/images/pt2.png",
"pathLocalAnh3": "/images/pt3.png"
}
```